THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/18
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Lê Thủy Nguyên Anh	9.2	8.8	8.7	9.9	9.7	9.9	9.4	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Lê Hoàng Bách	8.0	5.9	6.9	9.4	8.4	9.4	7.7	6.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Châu Vĩnh Cần	8.1	6.1	6.4	8.6	8.2	9.2	8.2	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Phạm Quỳnh Chi	9.5	8.6	9.4	9.9	9.9	10	9.8	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Nguyễn Ngọc Thu Hằng	9.4	9.2	9.4	9.9	10	10	10	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Trần Gia Hân	8.2	9.0	7.3	10	9.1	9.8	9.6	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Trần Nhã Hân	7.8	7.6	6.7	10	8.5	9.4	9.1	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
8	Lê Anh Khôi	6.1	6.5	9.0	8.8	8.4	8.3	7.6	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Lưu Anh Kiệt	7.6	7.1	6.8	9.1	8.6	9.6	7.9	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	8.8	8.5	8.4	9.8	9.3	9.9	9.3	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Dương Gia Nghi	9.7	9.4	8.2	10	9.8	10	10	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Trần Phước Nhật	9.6	7.0	8.8	9.9	9.6	9.9	9.8	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Lương Diệu Nhơn	9.1	9.3	9.3	10	9.7	10	9.9	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Trương Tuấn Phát	9.5	8.6	8.7	10	9.3	10	9.9	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Lê Tuấn Thành	6.0	7.7	5.9	9.6	8.5	8.4	6.4	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
16	Trần Ngọc Trâm	8.4	7.7	8.6	9.9	9.6	9.3	8.4	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Châu Quốc Trung	9.2	8.7	8.7	9.9	9.1	10	9.7	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Lê Phúc Tường Vi	9.2	9.0	6.8	9.9	9.6	10	9.5	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Phan Hà Thiên Ý	7.3	7.0	7.4	9.9	8.3	8.9	6.8	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Thu Ngân	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/19
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Trần Bảo Châu	8.2	7.8	6.7	9.9	8.1	9.6	8.7	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Trần Thanh Thùy Dương	7.2	6.8	5.7	9.9	9.2	9.4	7.4	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Ngô Vân Giai	9.6	8.8	9.0	10	9.6	10	9.3	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Dương Ngọc Hân	8.7	8.2	8.5	9.9	9.5	9.9	8.9	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Đỗ Minh Huy	8.1	7.6	8.5	9.6	9.4	9.6	8.4	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Nguyễn Hoàng Mai Khanh	7.3	8.2	6.8	9.6	9.1	9.5	8.8	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Nguyễn Trần Hạ My	7.6	7.8	8.4	9.7	9.1	9.9	9.3	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Thiều Hồng Ngọc	7.8	7.7	7.8	9.8	8.9	9.7	8.7	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Nguyễn Hoàng To Ny	4.8	6.2	6.7	9.7	7.6	6.9	6.4	6.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
10	Trương Tuấn Phát	9.1	8.6	7.1	9.9	9.8	9.9	9.3	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Trần Đình Phong	6.6	7.7	9.2	9.7	8.9	8.9	8.7	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Kha Phú	8.2	8.3	8.1	9.9	9.3	9.5	8.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Tô Hoàng Diễm Quyên	5.9	7.7	7.8	10	9.7	9.5	7.9	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Hùng Quảng Thành	6.5	6.3	5.5	9.5	7.6	9.5	7.4	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Trần Lê Hữu Trí	8.4	6.5	5.6	9.3	7.3	8.6	7.6	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Phan Kiến Văn	7.5	7.7	7.6	9.7	9.1	9.3	8.3	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Nguyễn Trần Gia Vy	7.5	8.1	8.4	10	9.3	9.9	8.9	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Huỳnh Ngọc Ý	8.4	9.3	8.4	10	9.6	10	9.5	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Nguyễn Dương Như Ý	9.7	9.4	9.6	9.9	10	10	9.6	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Sâm	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/20
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Dinh Nguyen Nhat An	7.3	6.4	5.9	10	7.7	9.2	8.2	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
2	Hoàng Thiên An	9.0	6.9	6.4	9.4	7.9	9.4	9.0	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Phan Lê Phúc An	7.8	6.6	8.4	8.9	8.8	8.5	8.7	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Đinh Trần Tú Anh	5.4	7.0	4.0	9.1	7.9	6.7	7.3	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
5	Đặng Quang Gia Bảo	6.3	7.9	7.1	9.3	8.4	8.6	8.5	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Tạ Đăng Gia Bảo	5.6	7.4	5.0	9.4	8.5	8.9	8.7	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Trịnh Tú Hằng	5.3	5.2	5.0	9.6	7.1	8.1	7.3	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
8	Châu Quan Huy	6.0	6.2	8.7	9.3	8.2	8.0	8.4	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Lâm Chấn Khang	7.2	6.2	7.8	6.5	5.9	7.3	7.1	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Liêu Trường Khang	7.7	7.9	6.8	10	9.4	9.6	8.7	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Trần Thái Đăng Khoa	7.8	7.1	6.8	9.4	8.6	8.6	8.4	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Trần Gia Kỳ	5.1	7.4	5.5	9.4	8.6	8.3	7.3	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Vũ Lâm	6.6	8.7	6.1	9.7	8.6	8.9	9.3	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Lê Hoàng Khánh Minh	7.4	6.8	9.1	9.3	8.6	9.6	7.9	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Nguyễn Nhật Minh	8.5	8.5	8.6	10	9.3	9.6	9.4	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Mai Ngọc Phương Nghi	4.1	5.9	6.5	9.9	8.4	7.7	7.2	6.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
17	Nguyễn Thanh Ngọc	6.0	7.7	6.5	9.4	8.4	9.4	8.3	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
18	Lê Thùy Nhiên	9.3	8.5	9.2	9.9	9.8	9.8	9.3	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Lê Trương Thái Sơn	6.7	7.2	6.7	7.7	7.0	8.5	8.9	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
20	Đặng Ý Tịnh	9.9	9.3	9.6	10	9.7	9.9	9.3	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Bích Trâm	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/21
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Huỳnh Ngọc Anh	6.6	5.9	5.8	8.6	7.2	9.3	7.4	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
2	Nguyễn Thùy Anh	7.5	7.7	6.8	9.5	9.2	9.7	8.3	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Nguyễn Khoa Danh	6.4	5.5	9.5	8.6	9.4	9.1	8.9	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Trần Duy	9.2	7.8	6.9	9.7	9.9	9.8	9.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Trần Lê Công Duy	8.6	7.3	7.8	9.0	7.9	8.2	8.8	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Nguyễn Ngọc Linh Đan	8.4	8.1	6.9	9.6	8.7	9.6	8.7	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Phan Tâm Khuê	4.5	5.1	8.7	6.6	6.7	7.4	6.4	6.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
8	Triệu Khang Lạc	7.3	6.8	7.5	8.1	7.8	8.5	8.6	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Phan Mỹ Linh	7.3	7.6	6.6	9.3	8.4	8.9	8.3	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Lưu Thiên Lộc	5.0	4.4	4.5	7.3	7.1	6.2	6.6	5.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
11	Trần Lực	7.9	6.3	6.1	7.6	8.7	8.8	8.7	7.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Thành Nam	7.3	7.3	6.0	8.5	7.4	8.5	7.9	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Phan Ngọc Bảo Nguyên	5.9	5.6	5.0	9.3	7.8	7.4	7.1	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
14	Trương Tú Nhã	8.1	7.8	8.7	9.9	9.6	9.9	8.9	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Nguyễn Thiền Trâm Như	6.5	6.2	6.3	8.6	7.8	8.5	7.8	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Trần Thanh Phong	6.9	5.6	8.1	8.6	7.6	8.2	7.4	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Quách Đào Phương	8.4	8.4	6.7	10	8.8	9.9	8.8	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Cao Hoàng Quân	7.7	7.1	8.4	8.9	8.1	9.2	9.1	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Trần Mỹ Trân	8.3	8.5	6.8	9.1	9.4	9.8	8.9	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
20	Trần Nguyễn Anh Tuấn	9.3	7.7	8.4	9.4	9.4	9.4	9.2	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Trương Thị Thanh Thảo	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/22
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Võ Hoàng Thái Bảo	7.6	6.8	8.2	8.1	8.6	9.4	6.8	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
2	Võ Đinh Thái Bửu	9.0	7.5	6.7	9.2	8.3	9.6	8.9	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Phạm Nhật Huy	8.5	6.8	8.8	9.1	8.6	9.1	9.1	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Lưu Minh Khang	7.0	6.2	7.3	8.2	7.3	8.6	8.6	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Trần Nguyên Ngọc Mai	7.8	6.9	7.5	9.6	9.1	9.7	7.4	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Bành Tuệ Mẫn	8.2	8.5	8.7	10	9.6	9.9	8.1	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Nguyễn Thy Mẫn	8.3	7.4	9.2	9.7	8.9	9.5	8.3	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Li Duệ Nguyên	8.1	8.2	6.5	9.5	8.6	9.8	8.5	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Vương Trường Nhật	9.2	8.4	8.3	9.7	9.8	10	9.3	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Quan Khải Phong	5.4	6.9	6.0	9.1	7.7	8.4	7.2	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Trương Hiệp Phổ	7.8	6.1	7.3	9.9	8.0	9.4	8.0	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Lê Hào Phú	8.5	6.1	5.8	9.7	7.3	9.2	8.0	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Kokoro Sato	9.2	8.6	7.8	9.9	9.1	9.5	9.3	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Trần Anh Thư	9.1	8.0	7.9	9.5	9.1	9.7	9.1	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Đặng Nguyễn Nhật Tiến	6.2	5.9	5.5	9.7	6.1	9.1	7.3	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
16	Trương Quốc Tuấn	7.9	6.5	5.0	9.4	7.4	8.9	7.3	6.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Huỳnh Gia Tuệ	8.9	8.1	7.2	10	9.3	9.9	9.1	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Trần Thiên Ý	5.6	7.3	6.8	9.7	8.7	8.9	6.8	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Phan Thị Ngọc Điệp	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 9/23
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Bùi Nguyễn Gia An	8.4	8.0	9.4	9.8	9.8	9.8	9.5	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Phan Quỳnh Anh	8.7	9.2	8.8	10	9.6	9.9	10	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Lý Ngọc Minh Châu	8.9	8.1	9.4	9.9	9.2	10	9.6	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Lê Thị Thanh Dung	7.9	8.0	5.8	9.9	8.9	9.4	8.6	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Tiên Chí Dũng	8.4	8.4	9.0	9.7	8.8	10	9.7	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Tô Như Đình	3.7	5.1	4.3	9.3	7.5	6.9	7.0	4.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Chưa đạt**	**Tốt**
7	Nguyễn Hoài Song Hân	8.9	8.8	8.6	9.9	9.0	9.4	9.0	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Vũ Huỳnh Quốc Hưng	8.4	8.3	8.8	9.9	9.4	9.9	9.4	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Lê Gia Khang	8.1	6.7	7.0	9.4	8.9	9.5	9.0	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Đoàn Tuấn Kiệt	6.9	6.7	5.7	9.5	8.1	8.8	8.1	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Nguyễn Phan Hồng Lam	7.1	6.6	6.2	9.7	8.6	8.9	7.4	7.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Lâm Thảo Nguyên	5.0	6.0	5.0	9.9	8.2	8.9	7.5	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
13	Bùi Lê Quang	4.3	6.4	5.0	9.4	8.1	8.5	7.6	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
14	Trần Nguyễn Bảo Quế	8.0	8.0	8.3	9.9	9.1	9.1	9.3	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Võ Nam Tân	8.4	7.6	7.1	9.6	8.8	9.6	9.0	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Nguyễn Đắc Tường	3.1	5.1	4.0	8.3	6.8	6.7	5.6	5.8	Đạt	Đạt	Đạt	**Chưa đạt**	**Khá**

GVCN/*Class Teacher*

Hà Thị Lương

GĐCTVN/*VP. Manager*

Trần Thị Tâm Tuyền

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà